

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM TÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc và bà Nguyễn Thị Lệ Thanh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên;

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ô**, sinh năm 1976 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện H, tỉnh B

- Bị đơn: Ông **Bùi Minh H1**, sinh năm: 1975 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện H, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Nguyên đơn bà Lê Thị Ô trình bày: Bà và ông H1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cả hai sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Đến năm 2016 thì cả hai không còn sống chung với nhau nữa, từ đó đến nay không liên lạc. Nay bà không còn tình cảm với ông H1 nữa nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H1

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông H1 có 03 con chung là Bùi Minh Đ, sinh năm 2000; Bùi Đăng K, sinh năm 2006; Bùi Lê Huyền Tr, sinh ngày 01/9/2016. Con chung Bùi Minh Đ đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Đăng K và Bùi Lê Huyền Tr, không yêu cầu ông H1 phải cấp dưỡng nuôi con

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Bùi Minh Hải trình bày: Ông và bà Ô sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000, từ đó đến nay không đăng ký kết hôn. Cả hai sống chung hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, bà Ô thường xuyên chửi bới ông. Cả hai không hàn gắn được nên năm 2016 ông và bà Ô không sống chung với nhau nữa. Nay bà Ô yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông thì ông đồng ý với yêu cầu của bà Ô. Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà Ô.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và bà Ô có 03 con chung là Bùi Minh Đ, sinh năm 2000; Bùi Đăng K, sinh năm 2006; Bùi Lê Huyền Tr, sinh ngày 01/9/2016. Con chung Bùi Minh Đ đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Giao con chung Bùi Đăng K và Bùi Lê Huyền Tr cho bà Ô trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà Ô tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ô, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ô và ông H; Giao con chung Bùi Đăng K và Bùi Lê Huyền Tr cho bà Ô trực tiếp nuôi dưỡng; Cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị Ô khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Bùi Minh H và yêu cầu được nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp trong

vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Bùi Minh H có nơi cư trú tại thôn S, xã T, huyện H, tỉnh B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Ô và ông H1 đều thừa nhận rằng cả hai sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000. Từ đó đến nay không đăng ký kết hôn. Lời khai của các đương sự phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bàu Lâm, huyện Xuyên Mộc; Ủy ban nhân dân xã Tân Thắng; Ủy ban nhân dân xã Thắng Hải và phù hợp với chứng cứ là giấy khai sinh của con chung Bùi Minh Đ sinh ngày 16/12/2000 do bà Ô cung cấp. Như vậy, có căn cứ để xác định rằng bà Ô và ông H1 sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000 mà không đăng ký kết hôn.

Mặt khác, các đương sự cũng thừa nhận trong quá trình chung sống, cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn nên đã không sống chung với nhau từ năm 2016. Từ đó đến nay cả hai không liên lạc gì với nhau.

Xét thấy, tại thời điểm sống chung, bà Ô và ông H1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình quy định “*1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...*” Do đó, việc sống chung giữa bà Ô và ông H1 không được pháp luật công nhận và không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Nay, bà Ô và ông H1 không còn sống chung với nhau và đều có yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Ô và ông H1.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống bà Ô và ông H1 có 03 con chung là Bùi Minh Đ, sinh năm 2000; Bùi Đăng K, sinh năm 2006; Bùi Lê Huyền Tr, sinh ngày 01/9/2016. Con chung Bùi Đăng K có nguyện vọng ở cùng mẹ

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất giao con chung Bùi Đăng K, sinh năm 2006; Bùi Lê Huyền Tr, sinh ngày 01/9/2016 cho bà Ô trực tiếp nuôi dưỡng. Con chung Bùi Minh Đ đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về vấn đề con chung.

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[3] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 246 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 9, 14, 15, 16, 51, 53, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ô đối với ông Bùi Minh H1 về việc “**Ly hôn**, tranh chấp về nuôi con”

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Ô và ông Bùi Minh H1.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung, cụ thể:

Giao con chung Bùi Đăng K, sinh ngày 04/01/2006 và Bùi Lê Huyền Tr, sinh ngày 01/9/2016 cho bà Lê Thị Ô trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Bùi Minh H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Con chung Bùi Minh Đ đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết

3. Về cấp dưỡng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Lê Thị Ô phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0010307 ngày 06/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Tân. Bà Ô đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Hàm Tân;
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- UBND Thắng Hải;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Trang